TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2019
V/v:*"Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Lợi

Ông Nguyễn Ngọc Quý

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **19** tháng **6** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 107/2019/TLST–HNGĐ ngày 22/5/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị ĐTM, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký HKTT: thôn C, xã N, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

Hiện cư trú: thôn N, xã P, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

* *Bị đơn:* Anh TĐT, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: thôn C, xã N, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị ĐTM.

Vắng mặt: Anh TĐT *(anh T có đơn xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị ĐTM trình bày:***

Về hôn nhân: Chị và anh TĐT kết hôn năm 2012 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 12 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh T tại thôn C, xã N, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, giữa chị và anh T mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Năm 2015, chị đi xuất

khẩu lao động tại Đài Loan, hai vợ chồng không ở chung với nhau từ đó cho tới nay. Đến tháng 3/2019, chị về Việt Nam ở tại nhà gia đình anh T được khoảng 10 ngày sau đó chị cùng con chuyển về nhà mẹ kế tại thôn N, xã P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội sinh sống. Theo chị M, chị và anh T đã ly thân từ khi chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng không còn nói chuyện và không quan tâm đến nhau từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn với anh T để cả 02 ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh TĐT có 01 con chung là cháu TĐMN, sinh ngày 20/8/2013, hiện tại cháu N đang ở với chị . Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu N. Nếu được nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm nghề phun xăm thẩm mĩ, thu nhập khoảng 15-20 triệu/tháng, chị hiện ở cùng mẹ kế tại thôn N, xã P, huyện Chương Mỹ, có nhà cửa rộng rãi, chỉ có chị cùng mẹ và 02 em gái đang sống trên đất nên chị hoàn toàn đủ điều kiện chăm sóc con chung. Chị không đồng ý để anh T nuôi con chung vì hiện tại cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ, anh T do ham chơi nên không dành thời gian để chăm sóc con chung, mọi việc chăm sóc cháu N trong thời gian chị vắng nhà hoàn toàn do mẹ anh T lo liệu. Nay chị đã về Việt Nam và không tiếp tục đi xuất khẩu lao động nữa, chị có công việc và thu nhập ổn định nên chị đề nghị được nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị ĐTM không yêu cầu giải quyết.

**** Bị đơn anh TĐT vắng mặt, tại bản tự khai anh T trình bày:***

Về hôn nhân: Anh TĐT thừa nhận thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi vợ chồng chung sống sau khi kết hôn như chị ĐTM trình bày. Theo anh T, thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2015 chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong thời gian chị M đi Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng nói chuyện với nhau qua điện thoại bình thường, sau đó đến khoảng tháng 10/2016, anh gọi điện cho chị M thì không thấy chị M nghe máy mà nghe giọng đàn ông trả lời điện thoại nên anh và chị M phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Đến tháng 11/2016 chị M về Việt Nam 01 tuần thì vợ chồng đã hàn gắn và nói chuyện bình thường. Sau đó chị M lại tiếp tục sang Đài Loan thì vợ chồng không còn nói chuyện như trước. Đến tháng 01/2018, chị M đã chặn số liên lạc, chặn Facebook và chặn Zalo của anh nên từ đó vợ chồng không nói chuyện với nhau. Đến tháng 3/2019, chị M về Việt Nam và ở nhà anh khoảng 20 ngày thì chị M tự ý bế con đi và ở đâu anh không biết, chị M không thông báo với ai, không xin phép ai trong gia đình anh, không bế con về thăm anh và mẹ anh. Khoảng tháng 5/2019, anh biết chị M có người đàn ông khác, anh đã cố gắng hàn gắn với chị M để cho con có cả bố và mẹ nhưng không có kết quả. Nay chị M có người khác và xin ly hôn với anh, anh cũng xác định tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn với chị M và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Anh TĐT thừa nhận anh và chị M có 01 con chung là cháu TĐMN, sinh ngày 20/8/2013. Khi chị M đi xuất khẩu lao động thì cháu ở cùng với anh và mẹ anh và do anh cùng mẹ anh chăm sóc cháu từ khi cháu chưa đầy 02 tuổi. Hiện

tại cháu N đang ở với chị M do chị M tự ý bế con đi (vào tháng 5/2019). Trong thời gian chị M ở Đài Loan, chị M không gửi tiền cho anh chăm sóc cháu, còn chị M có gửi tiền cho ai không thì anh không biết, sau khi chị M về Việt Nam đã tự ý bế con đi, anh còn biết chị M đi chơi cũng bế con đi nên rất ảnh hưởng đến cháu. Ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi cháu N, nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện anh đang làm trang trí tiểu cảnh, sân vườn, thu nhập ổn định khoảng 10 triệu/tháng, nhà cửa gia đình anh ở rộng rãi, còn chị M đang ở với mẹ kế, nơi ở không ổn định, không bảo đảm để nuôi con. Trong quá trình chị M đi nước ngoài một mình anh chăm sóc con chung, ngay cả khi cháu ốm đau cũng chỉ có mình anh nên anh không đồng ý cho chị M nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị ĐTM giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh TĐT; chị M giữ nguyên nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu TĐMN, sinh ngày 20/8/2013 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị M không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự: Chị ĐTM đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, anh TĐT chưa chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị ĐTM và cho chị ĐTM được ly hôn anh TĐT; *Về con chung:* Đề nghị giao con chung là cháu TĐMN cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi cháu TĐMN đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Chị M và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. *Về án phí:* Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh TĐT hiện cư trú tại thôn C, xã N, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của anh TĐT: Anh T có đơn xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị ĐTM và anh TĐT kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 05/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa chị M và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị M và anh T có bất đồng quan điểm sống. Năm 2015, chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và hai vợ chồng đã không ở chung với nhau từ đó cho tới nay, trong thời gian chị M ở Đài Loan thì giữa vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau. Năm 2019, chị M về Việt Nam và xin ly hôn anh T. Anh T nhận thấy tình cảm không còn nên có ý kiến đồng ý ly hôn với chị M. Xét tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong muốn đoàn tụ từ hai phía (chị M + anh T) và cần có sự tin tưởng nhau. Chị M xin ly hôn và anh T có ý kiến đồng ý ly hôn nên cần xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M và cho chị M được ly hôn anh T để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị ĐTM và anh TĐT đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu TĐMN, sinh ngày 20/8/2013. Ly hôn, cả chị M và anh T đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy: Cháu TĐMN, sinh ngày 20/8/2013 hiện chưa tròn 06 tuổi nên cần có sự chăm sóc của người mẹ, chị M ở tại xã P huyện Chương Mỹ gần với xã Ngọc Hòa nơi anh T sinh sống nên việc con chung ở với bố hay mẹ đều không làm ảnh hưởng đến quyền đi lại chăm sóc con chung của bên kia. Chị M nuôi dưỡng cháu N, theo quy định của pháp luật anh T vẫn có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở nên việc giao con chung cho chị M nuôi dưỡng không làm mất đi quyền của anh T đối với con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị ĐTM không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị M, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị ĐTM và anh TĐT đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị ĐTM phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị ĐTM được ly hôn anh TĐT .

2. Về con chung: Chị ĐTM và anh TĐT có 01 con chung là cháu TĐMN, sinh ngày 20/8/2013.

Giao cháu TĐMN, sinh ngày 20/8/2013 cho chị ĐTM trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu TĐMN đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

3. Về cấp dưỡng: Anh TĐT không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh TĐT cho đến khi các bên có yêu cầu.

Anh TĐT có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị ĐTM phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chị ĐTM đã nộp **300.000** đồng *(theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004027 ngày 20 tháng 5 năm 2019)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị ĐTM có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Anh TĐT vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tp Hà Nội;*
- *VKSND huyện Chương Mỹ,*
- *CC.THADS huyện Chương Mỹ;*
- *Ủy ban nhân dân xã Ngọc Hòa, Chương Mỹ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA/VP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Trọng **Nguyễn Thị Thanh Hà** **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA